

Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng thành phố Hà Nội

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN HOÀI NAM - Văn phòng Thành ủy Hà Nội

TS. NGUYỄN DANH NGUYÊN - Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách khoa Hà Nội

Thực hiện đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2001-2005 (gọi tắt là Đề án 47) và giai đoạn 2006-2011 (gọi tắt là Đề án 06) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, thời gian qua, Thành ủy Hà Nội đã tích cực chỉ đạo và tổ chức triển khai đồng bộ các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các cơ quan đảng thuộc Đảng bộ Thành phố. Đến nay đã cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng và đưa vào sử dụng một cách phổ biến các hệ thống thông tin điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng từ Thành phố đến cơ sở, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, tác phong công tác của cán bộ, công chức trong các cơ quan đảng, góp phần nâng cao vai trò tổ chức ứng dụng CNTT trong toàn Đảng bộ Thành phố.

Trong hơn 10 năm thực hiện Đề án 47 và Đề án 06, các ban Đảng, Văn phòng Thành ủy và các cấp ủy trực thuộc Thành ủy Hà Nội đã tích cực triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH Thủ đô và đất nước, đạt được kết quả nổi bật trên những lĩnh vực chủ yếu.

Kết quả công tác ứng dụng CNTT sau 10 năm

Theo thống kê, số cán bộ thường xuyên sử dụng máy tính để làm việc trên tỷ lệ cán bộ có liên quan tới xử lý thông tin là 90,4%, số cán bộ truy cập mạng bình quân một ngày đạt tỷ lệ 81,4%, số máy tính có kết nối mạng internet đạt 69,1%. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung được tích cực triển khai, cơ sở dữ liệu văn kiện Đảng cấp thành phố đã cập nhật được 54.176 bản ghi với hơn 97.000 trang tài liệu từ khóa I đến hết khóa XIV (tỷ lệ 100%); cơ sở dữ liệu văn kiện Đảng bộ cấp huyện đã được các cơ quan tổ chức cập nhật khá thường xuyên và cơ bản hoàn thiện (hiện còn hai huyện ủy Chương Mỹ, Quốc Oai chưa tổ chức cập nhật dữ liệu theo yêu cầu do chưa kịp thời chỉnh lý hồ sơ lưu trữ), tính chung cấp quận, huyện đã cập nhật được 116.963 bản ghi với 200.214 trang tài liệu (đạt tỷ lệ 80%). Về cơ sở dữ liệu mục lục hồ sơ, cấp Thành phố đã tổ chức cập nhật được 23.873 đơn vị bảo quản, cấp quận, huyện đã cập nhật được 47.171 đơn vị bảo quản.

Công tác ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước tại Thành ủy và các quận, huyện ủy được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Hiện nay, tại Thành ủy và các quận, huyện ủy đã triển khai 04 phần mềm ứng dụng theo Quyết định 43/2008/QĐ-TTg của Chính phủ, đó là: trang thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trên môi trường mạng, hệ thống hội nghị truyền hình qua mạng. Đồng thời, đang triển khai 04 phần mềm ứng dụng nâng cao năng lực khác là phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên, phần mềm công tác kiểm tra đảng, phần mềm quản lý kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm quản lý tài sản. Các phần mềm này được sử dụng chuyên biệt đối với các phòng, ban, đơn vị chuyên môn, được đánh giá là có hiệu quả cao trong giải quyết công việc hàng ngày.

Công tác gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử, hình thức phối hợp công việc, cộng tác trên môi trường mạng của cán bộ công chức trong các cơ quan đã được thực hiện thường xuyên, có nền nếp hơn, thông qua việc sử dụng dịch vụ thư điện tử, gửi nhận văn bản và trao đổi thông tin trên mạng. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử trong các cơ quan đảng từng bước được hoàn thiện và được cập nhật, khai thác thường xuyên, có hiệu quả thông qua mạng; công tác ứng dụng CNTT vào phục vụ Đại hội Đảng các cấp từ Thành phố tới cấp quận, huyện, xã, phường được triển khai tích cực, thông qua việc ứng dụng các phần mềm kiểm phiếu, phần mềm quản lý đại biểu, sử dụng các thiết bị trình chiếu để tăng cường chất lượng thông tin phục vụ đại hội Đảng các cấp. Qua đó, đã góp phần từng bước đảm bảo nguồn thông tin chất lượng cao góp phần vào công tác chỉ đạo, lãnh đạo điều hành của các cấp ủy.

Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng thành phố Hà Nội cũng tồn tại một số hạn chế. Đó là: Chưa xây dựng được qui hoạch tổng thể, chỉ rõ lộ trình, cách thức và bước đi trong phát triển ứng dụng CNTT, nên đầu tư còn tản mạn, thiếu thống nhất và thiếu đồng bộ; Nhận thức của cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của CNTT trong điều hành, cải cách hành chính; Nhìn chung các cơ quan chưa tận dụng hết hạ tầng thiết bị CNTT đã được đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động; Trình độ ứng dụng CNTT vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành không đồng đều ngay trong đội ngũ cán bộ lãnh

đạo của cơ quan đảng; Việc gửi nhận văn bản và trao đổi thông tin qua mạng chủ yếu sử dụng hệ thống thư điện tử và chương trình gửi nhận văn bản; Chưa hình thành các cơ sở dữ liệu (CSDL) và các hệ thống thông tin quan trọng cấp Thành phố phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và làm nền tảng cho phát triển các ứng dụng quản lý trong các cơ quan đảng; Nhân lực CNTT yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT, trình độ người sử dụng tại các cơ quan cấp huyện còn bất cập...

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu do những nguyên nhân sau: CNTT là lĩnh vực mới, có tốc độ phát triển nhanh; việc triển khai ứng dụng CNTT để góp phần đổi mới phương thức, lối làm việc là một nhiệm vụ phức tạp, trên quy mô rộng, liên quan đến nhiều khâu công việc, nhiều người, đòi hỏi phải có một quá trình thực hiện lâu dài; Một số cấp uỷ chưa thấy rõ vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng và phát triển CNTT, dẫn tới thiếu chủ động, chưa thực sự kiên quyết gắn việc ứng dụng CNTT để đổi mới lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; Nhận thức của cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt về CNTT trong cải cách hành chính chưa sâu sắc, nhất là các cấp huyện; Công tác tuyên truyền, phổ biến về ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính chưa tốt. Thiếu cơ chế, quy định, quy hoạch, định hướng, hướng dẫn cụ thể, đồng bộ về tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng và nhà nước trên địa bàn Thành phố.

Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được và những mặt còn tồn tại trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan đảng thành phố Hà Nội thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu như sau:

Thứ nhất, nhận thức và quyết tâm triển khai ứng dụng và phát triển CNTT là yếu tố quyết định sự thành công và hiệu quả triển khai các dự án tin học hoá hoạt động của các cơ quan đảng. Do vậy, việc nâng cao nhận thức cho các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên về vai trò của ứng dụng và phát triển CNTT trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả là nhiệm vụ thường xuyên cần thực hiện.

Thứ hai, việc quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện ứng dụng và phát triển CNTT phải được các cấp uỷ xác định là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Cơ quan, đơn vị nào, cấp uỷ và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, quyết liệt thì nơi đó ứng dụng CNTT được đẩy mạnh, đạt kết quả rõ rệt.

Thứ ba, đầu tư phát triển ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng theo những bước đi thích hợp, đầu tư nhanh, hợp lý, có kế hoạch theo năng lực và điều kiện

thực tế của từng đơn vị. Gắn việc đầu tư trang thiết bị với khai thác sử dụng có hiệu quả, ưu tiên đầu tư ở những nơi, những bộ phận làm tốt công tác này. Triển khai đồng bộ việc đầu tư thiết bị, thiết lập hạ tầng kỹ thuật CNTT với việc tập huấn khai thác sử dụng và ban hành các quy chế, quy định, bảo mật thông tin cũng như các cơ chế, chính sách tạo động lực khuyến khích ứng dụng CNTT tại các đơn vị. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ tin học cho đội ngũ cán bộ theo hướng thiết thực, hiệu quả.

Thứ tư, việc triển khai tin học hoá hoạt động các cơ quan đảng phải gắn với cải cách hành chính. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng cần phải bám sát chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, trước hết là đảm bảo thông tin phục vụ sự lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ và lãnh đạo cơ quan, đơn vị, thực hiện việc tiêu chuẩn hoá quy trình công tác, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm hội họp, giảm giấy tờ, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lối làm việc, tác phong công tác, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

Thứ năm, cần phải quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc, tâm huyết nghề nghiệp. Có chính sách ưu đãi phù hợp để thu hút cán bộ kỹ thuật có trình độ vào làm việc, yên tâm công tác trong các cơ quan. Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát thường xuyên việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT.

Đề xuất một số giải pháp trong thời gian tới

a) Về cơ chế, chính sách

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, xử lý công việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống cơ quan đảng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự vào cuộc quyết liệt hơn nữa của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan đảng; và chính quyền về ứng dụng và phát triển CNTT; Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo, quản lý điều hành công tác ứng dụng CNTT và đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, đảm bảo tham mưu giúp cấp uỷ tổ chức thực hiện, triển khai có hiệu quả công tác ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan đảng thành phố Hà Nội.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản về tổ chức triển khai ứng dụng CNTT như: quy hoạch triển khai ứng dụng CNTT, tiêu chuẩn mô hình cơ quan điện tử; các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng CNTT; quy định,

(Xem tiếp trang 57)

nhân lực trẻ về trình độ, ngành nghề, lĩnh vực... trong các thành phần kinh tế, theo dõi thường xuyên sự biến động (tăng, giảm) từ đó xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan... tìm giải pháp cụ thể, thiết thực; Trẻ hoá nguồn nhân lực ngành công nghiệp, xoá bỏ quan niệm phải có thâm niên công tác mới được để bặt các chức danh quan trọng; Ưu tiên những ngành công nghệ cao, những ngành đang thiếu cán bộ tài năng; có chính sách thu hút những chuyên gia giỏi là Việt kiều trong những lĩnh vực công nghiệp mà tỉnh đang thiếu và cần thiết trong tiến trình hội nhập; Thực hiện cơ chế đấu thầu rộng rãi các chương trình, đề tài nghiên cứu. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cán bộ chủ trì thực hiện các đề tài, công trình nghiên cứu KH-CN.

Bốn là, có chính sách đãi ngộ, tôn vinh nhân lực trẻ chất lượng cao.

Thực hiện chính sách tiền lương linh hoạt theo tiêu chí tài năng, không nên hạn chế mức thu nhập, nếu đó là mức thu nhập chính đáng từ tài năng và sáng tạo của họ, đồng thời truy cứu trách nhiệm nếu có biểu hiện lợi dụng, tham nhũng; Cần xây dựng chế độ chính sách ưu đãi đối với nhân lực trẻ chất lượng cao trong ngành công nghiệp để tạo động lực thu hút nhân tài vào các cơ quan nghiên cứu, cơ quan hoạch định chính sách để họ có điều kiện phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của họ; Thường xuyên tôn vinh nhân tài đi kèm cơ chế khuyến khích về lợi ích vật chất đối với những cống hiến mang lại nhiều lợi ích cho xã hội.

Năm là, có chính sách thu hút nhân lực trẻ chất lượng cao vào ngành công nghiệp. Trước sức ép về nguồn nhân lực chất lượng cao, để đáp ứng yêu cầu phát triển, Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng rất cần tận dụng tiềm năng to lớn của hơn 300.000 trí thức Việt kiều đang sinh sống ở nước ngoài.

Thời gian vừa qua, chính sách thu hút nhân tài là Việt kiều đã được thực thi, song chưa đủ mạnh. Ngoài việc kêu gọi vận động, cần có những chính sách cụ thể hơn như xoá bỏ định kiến, nguồn gốc xuất thân; chế độ lương và thu nhập, chế độ mua nhà hợp pháp, chế độ học tập và làm việc cho con cái...

Sáu là, quan tâm phát triển nguồn nhân lực trẻ trong lĩnh vực công nghiệp ở tỉnh Bình Dương.

Phải xác định rõ nguồn nhân lực là tài nguyên quý giá nhất trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. Bình Dương phải phát huy lợi thế về thương hiệu và môi trường làm việc để thu hút nhân tài, phải lấy nguồn nhân lực làm tài nguyên thay thế cho sự khan hiếm các nguồn lực khác, gọi là tài nguyên nguồn nhân lực, hoặc tài nguyên con người.

Nâng cao hơn nữa đến chất lượng con người và chất lượng cuộc sống. Chất lượng con người, trước hết, phải tính đến vấn đề chất lượng sinh nở. Ngành Y tế phải có những quy định cụ thể về chất lượng sinh nở như kiểm tra sức khỏe, bệnh tật, tính di truyền,... Khi có chất lượng con người, phải tính đến chất lượng cuộc sống, có nghĩa là phải nuôi dưỡng về vật chất và tinh thần của con người sinh ra, bảo đảm cho họ có thể lực dồi dào, có trí tuệ minh mẫn. Tỉnh Bình Dương cần có chính sách rõ ràng, minh bạch, đúng đắn đối với việc sử dụng, trọng dụng nhân tài, nhất là trọng dụng các nhà khoa học và chuyên gia thật sự có tài năng cống hiến. ❖

Tài liệu tham khảo

1. Lý Hà; Thành phố Hồ Chí Minh - Thị trường lao động đang chuyển dịch; Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 5/2007;
2. WWW.nghiepvubinhdương.edu.vn. ngày 21/08/2009;
3. Niên giám thống kê Bình Dương 2010.

Ứng dụng công nghệ thông tin...

(Tiếp theo trang 23)

quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử thống nhất trên toàn hệ thống mạng, các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng...

b) Về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ sử dụng tin học của cán bộ công chức trong các cơ quan đảng về việc ứng dụng CNTT để cải thiện hiệu suất công việc, giảm thiểu tâm lý e ngại, né tránh trong sử dụng máy tính và các thiết bị tin học, thay đổi phong cách làm việc của cán bộ công chức từ môi trường giấy tờ chuyển sang làm việc trên môi trường máy tính và các hệ thống thông tin, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thúc đẩy hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan đảng. Sớm hoàn thành mục tiêu 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, công chức có liên quan tới xử lý thông tin trong các cơ quan đảng biết sử dụng

máy tính, mạng máy tính để làm việc với các hệ thống thông tin điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Về đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ

- Khảo sát, đánh giá tổng thể hiện trạng hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT trong các cơ quan đảng Thành phố. Trên cơ sở đó, đầu tư nâng cấp và từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo triển khai các ứng dụng CNTT đồng bộ, hiệu quả tại các cơ quan.

- Trên cơ sở các ứng dụng CNTT đã và đang triển khai trong các cơ quan đảng, tiến hành tổng kết đánh giá hiện trạng và có biện pháp nâng cấp, phát triển đồng bộ các hệ thống thông tin và phần mềm ứng dụng trên cơ sở đảm bảo triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT, từng bước tự động hóa các quy trình thu thập, xử lý, truyền tải, lưu trữ và cung cấp thông tin trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan đảng thành phố Hà Nội. ❖